

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/DS-ST

Ngày: 05 -9 - 2022

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số 169 phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thi, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Châu Phú, theo Giấy ủy quyền số: 54/PGD-UQ ngày 14/4/2021 (có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Như Y, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Như, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc Thi đại diện cho NHCSXH Việt Nam, trình bày:

Căn cứ Khế ước nhận nợ số 6000005700001066 ngày 30/01/2014 giữa Phòng giao dịch NHCSXH huyện Châu Phú và ông Lê Như Y vay vốn chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với thời hạn vay là 46 tháng, lãi suất trong hạn là 0,50%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng.

Đến ngày 12/11/2017, ông Lê Như Y, bà Nguyễn Thị Mỹ D và sinh viên Lê Như C không trả được nợ, từ sau thời điểm đến hạn đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương nhưng các ông, bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình.

Phòng giao dịch NHCSXH huyện Châu Phú xác nhận số nợ đến thời điểm ngày 31/12/2020 của ông Lê Như Y, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Như C như sau: Nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi 18.100.130 đồng, tổng cộng: 47.100.130 đồng.

Do khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán, NHCSXH Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Như Y, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Như C có trách nhiệm liên đới trả nợ vay tổng cộng là 50.793.485 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 29.000.000 đồng
- Nợ lãi tính đến ngày 29/4/2022 là: 21.793.485 đồng

Tại Bản tự khai ngày 16/6/2022, ông Lê Như Y trình bày:

Trước đây ông Y có vay vốn của NHCSXH huyện Châu Phú theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cụ thể vay cho con là Lê Như C đi học. Số tiền vốn vay là 29.000.000 đồng.

Do sau khi học xong khóa học, ông C vẫn chưa có việc làm ổn định và gia đình ông Y hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả nợ được cho NHCSXH. Nay ông Y xin được trả dần số nợ trên và xin bỏ lãi để tạo điều kiện cho gia đình ông ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Như C vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Ngọc Thi đại diện cho NHCSXH Việt Nam trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc ông Y, bà D và ông C có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho NHCSXH Việt Nam tổng cộng là 50.793.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 21.793.485 đồng. Không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn 0,845%/tháng ($= 0,65\%/tháng \times 130\%$) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Y, bà D và ông C trả xong khoản nợ vay.

Ngoài ra, bà Thi còn khai: Ông Y và bà D đại diện hộ gia đình vay vốn của NHCSXH Việt Nam thông qua việc ký kết vào Sổ vay vốn, trong đó ông Y là người vay vốn, bà D là người thừa kế nợ vay. Bắt đầu giải ngân 4.500.000 đồng vào ngày 12/01/2011 và 4.500.000 đồng vào ngày 13/5/2011; lúc này lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng. Sau đó tiếp tục giải ngân 10.000.000 đồng ngày 28/10/2011, 5.000.000 đồng ngày 12/11/2012 và 5.000.000 đồng ngày 13/3/2013. Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2011, lãi suất áp dụng theo Quyết định số: 853/2011/QĐ-TTg ngày 03/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,845%/tháng ($= 0,65\%/tháng \times 130\%$). Tổng cộng tiền vốn vay là 29.000.000 đồng; tất cả các lần vay vốn thì ông Y đều trực tiếp ký nhận tiền vay và được thông báo về mức lãi suất. Đến ngày 12/9/2018 chuyển sang nợ quá hạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHCSXH Việt Nam, buộc ông Y và bà D có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho NHCSXH Việt Nam tổng cộng là 50.793.485 đồng, bao gồm: Nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 21.793.485 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm nên không xem xét.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHCSXH Việt Nam về việc buộc ông C liên đới trả nợ vay.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Y và bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,845%/tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Y, bà D và ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà

không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Y và bà D, trong đó có nêu rõ nội D khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cùng chứng cứ kèm theo là Sổ vay vốn và giấy tờ giải ngân, nhưng ông Y và bà D không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Mặt khác, ông Y thừa nhận có vay của NHCSXH huyện Châu Phú tiền vốn 29.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Sổ vay vốn và các chứng từ giải ngân mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời khai thừa nhận của ông Y là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Sổ vay vốn và các chứng từ giải ngân, lời khai của bà Nguyễn Ngọc Thi và ông Lê Như Y trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Ông Y và bà D có xác lập hợp đồng vay vốn của NHCSXH Việt Nam theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc ký kết vào Sổ vay vốn; ông Y ký tên là người vay, bà D ký tên là người thừa kế nợ vay. Đây thuộc loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi; số tiền vốn vay tổng cộng là 29.000.000 đồng, cụ thể nhận theo phân kỳ lần lượt là 4.500.000 đồng ngày 12/01/2011, 4.500.000 đồng ngày 13/5/2011, 10.000.000 đồng ngày 28/10/2011, 5.000.000 đồng và 5.000.000 đồng ngày 13/3/2013.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội D của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Quyết định số: 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 (gọi tắt là Quyết định số 157) và Quyết định số: 853/2011/QĐ-TTg ngày 03/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông Y và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn NHCSXH Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Y và bà D trả số tiền vốn vay 29.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với Lê Như C, trước đây là sinh viên thuộc đối tượng được vay vốn theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, theo 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tại Điều 3 của Quyết định số 157 quy định: *“Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội”*. Xét thấy, ông Y và bà D là cha mẹ của sinh viên Lê Như C, đại diện hộ gia đình

trực tiếp vay vốn NHCSXH, thông qua việc ký kết vào Sổ vay vốn của NHCSXH, với vai trò ông Y là người vay, còn bà D là người thừa kế khoản nợ vay nên ông Y và bà D phải có trách nhiệm trả nợ cho NHCSXH. Lê Như C được nhà trường xác nhận đang là sinh viên, chỉ là điều kiện để ông Y và bà D xác lập hợp đồng vay vốn với NHCSXH, bản thân ông C không trực tiếp ký kết vào Sổ vay vốn của NHCSXH; hồ sơ vay vốn không có văn bản ủy quyền của ông C cho ông Y, bà D xác lập hợp đồng vay. Do đó, ông C không phải liên đới cùng với ông Y và bà D trả nợ cho NHCSXH. Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHCSXH Việt Nam về việc buộc ông C liên đới trả nợ vay.

[4] Về việc tính lãi: NHCSXH Việt Nam không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Kể từ ngày 06/9/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Y và bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,845%/tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu khởi kiện của NHCSXH Việt Nam đối với ông Y và bà D được chấp nhận nên ông Y và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 2 Điều 1 Quyết định số: 853/2011/QĐ-TTg ngày 03/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXHVN.

Buộc ông Lê Như Y và bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền nợ vay tổng cộng là 50.793.485 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng);
- Tiền lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 21.793.485 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn tám năm đồng).

Kể từ ngày 06/9/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Như Y và bà Nguyễn Thị Mỹ D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,845%/tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN về việc buộc ông Lê Như C liên đới trả nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng CSXHVN thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

Ông Lê Như Y và bà Nguyễn Thị Mỹ D phải liên đới chịu 2.539.000 đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng CSXHVN có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Như Y, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Như C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Nguyễn Hoàng Tuấn

Nguyễn Duy Linh